

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý III '2015
Của
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Mục lục	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Bảng Cân đối kế toán	4 - 6
Báo cáo Kết quả kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty CP VẬN CHUYÊN SÀI GÒN TOURIST (“Công ty”) là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 vào ngày : 27/12/2014

Thông tin liên lạc

Địa chỉ trụ sở chính: 25 Pastuer phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 TP.HCM
Địa chỉ địa điểm KD: 25 Pastuer phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 TP.HCM
Điện thoại: (+84 8)9141889
Fax: (+84 8)9141890
Website: saigontourist-stt.com

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông RyoTaro Ohtake	Chủ tịch HĐQT	Ngày tái nhiệm : 28/04/2015
Ông Kakazu Shogo	Phó chủ tịch HĐQT	Ngày tái nhiệm : 28/04/2015
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 28/04/2015
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	Ngày tái nhiệm : 28/04/2015
Ông Trần Mạnh Trí	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 28/04/2015
Ông Đinh Quang Phước Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm kỳ ngày 28/04/2015
Ông Takashi Yano	Thành viên	Bổ nhiệm kỳ ngày 28/04/2015

Ban Giám đốc

Ông Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Quang Phước Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/01/2015

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất ngày 30 tháng 9 năm 2015

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám Tổng đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các sổ kế toán được cập nhật, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc tiết kiệm chi phí đầu tư cũng như chi phí hoạt động kinh doanh và bảo vệ an toàn tài sản của Công ty, do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm tổn thất và thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh Quý III '2015 và lưu chuyển tiền tệ 9 tháng của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



KAKAZU SHOGO - Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30-9-2015	01-01-2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29,714,543,292	33,442,861,620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,234,361,375	3,668,628,174
Tiền	111		2,234,361,375	3,668,628,174
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.	1,500,000,000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,500,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23,236,360,215	28,629,960,536
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	24,364,504,660	27,450,917,279
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	413,186,074	1,710,863,018
Các khoản phải thu khác	136	V.4a	24,113,858,478	21,925,157,149
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(25,655,188,997)	(22,456,976,910)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	363,712,412	365,921,537
Hàng tồn kho	141		587,586,297	589,795,422
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(223,873,885)	(223,873,885)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,380,109,290	778,351,373
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	2,095,419,584	493,641,667
Thuế GTGT được khấu trừ	152		45,079,143	45,099,143
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		239,610,563	239,610,563
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31,993,386,939	44,479,350,563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,807,068,180	2,675,871,800
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	2,807,068,180	2,675,871,800
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16,710,495,896	38,226,821,325
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	16,710,495,896	24,476,821,325
- Nguyên giá	222		44,524,781,306	54,611,190,470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27,814,285,410)	(30,134,369,145)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	13,750,000,000
- Nguyên giá	228		-	13,750,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-

IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	-	308,437,999
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	308,437,999
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9,413,732,368	80,016,000
Đầu tư vào công ty con	251	V.c	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.c	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.c	19,839,972,424	5,876,016,000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(10,426,240,056)	(5,796,000,000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.b	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,062,090,495	3,188,203,439
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1,491,988,751	1,618,101,695
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18a	1,570,101,744	1,570,101,744
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	V.11b	-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		61,707,930,231	77,922,212,183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30-9-2015	01-01-2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		23,419,159,050	24,287,869,308
I. Nợ ngắn hạn	310		22,106,311,700	16,089,534,998
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	1,689,557,422	429,526,446
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	290,445,480	747,118,177
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2,270,606,891	2,590,175,140
Phải trả người lao động	314		1,684,475,652	2,033,729,824
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16a	742,005,855	1,513,495,827
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.a	76,047,431	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	11,879,839,467	8,275,489,584
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	3,473,333,502	500,000,000
II. Nợ dài hạn	330		1,312,847,350	8,198,334,310
Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	1,312,847,350	1,690,047,350
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	-	6,508,286,960
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38,288,771,181	53,634,342,875
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	38,288,771,181	53,634,342,875
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	2,052,178,753
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(41,711,228,819)	(28,417,835,878)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trư	421a		(26,368,132,277)	(28,417,835,878)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15,343,096,542)	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
E. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		61,707,930,231	77,922,212,183

Người lập/Kế toán trưởng



HỒ THỊ TRÚC VÂN

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



KAKAZU SHOGO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý III '2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	QUÝ 3 -2015	QUÝ 3 -2014	Lũy kế 9 tháng năm 2015	Lũy kế 9 tháng năm 2014
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12,527,478,623	26,512,079,850	47,760,050,644	59,827,267,052
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	12,527,478,623	26,512,079,850	47,760,050,644	59,827,267,052
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12,853,867,916	25,687,025,152	47,386,386,905	57,567,681,775
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.3	(326,389,293)	825,054,698	373,663,739	2,259,585,277
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	65,614,682	17,886,548	258,740,518	155,843,187
Chi phí tài chính	22	VI.4	84,265,184	197,666,104	5,481,768,841	664,145,586
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	VI.5	257,307,630	170,578,870	417,518,548	637,058,352
Chi phí bán hàng	24	VI.6	339,012,984	111,258,679	705,953,551	320,546,478
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2,559,469,569	2,245,059,847	10,911,817,813	7,577,764,537
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3,243,522,348)	(1,711,043,384)	(16,467,135,948)	(6,147,028,137)
Thu nhập khác	31	VI.7	92,061,355	234,796,055	2,048,258,447	587,066,340
Chi phí khác	32	VI.8	86,000,000	394,372,613	1,528,601,626	571,090,606
Lợi nhuận khác	40		6,061,355	(159,576,558)	519,656,821	15,975,734
Lợi nhuận trong các cty liên kết	45		-	-	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3,237,460,993)	(1,870,619,942)	(15,947,479,127)	(6,131,052,403)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-	-	-	496,949,840
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(3,237,460,993)	(1,870,619,942)	(15,947,479,127)	(6,628,002,243)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(3,237,460,993)	(1,870,619,942)	(15,947,479,127)	(6,628,002,243)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm	62		(3,237,460,993)	(1,870,619,942)	(15,947,479,127)	(6,628,002,243)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11			(1,993)	(829)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.				

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015



Người lập/Kế toán trưởng

HỒ THỊ TRÚC VÂN

KAKAZU SHOGO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Quý III '2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Luỹ kế 9 tháng năm 2015	Luỹ kế 9 tháng năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	(1.911,165,300)	1.114.943.362
2. Điều chỉnh cho các khoản	(15,947,479,126)	(6,131,052,403)
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2,413,567,365	3,818,009,361
Các khoản dự phòng	8,430,359,576	(271,447,113)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
(Lãi)/lỗ thanh lý tài sản cố định	(669,060,412)	
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(120,483,765)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết		
Chi phí lãi vay	201,761,532	379,866,669
Thu nhập lãi vay	(354,957,120)	
Khấu hao lợi thế thương mại		
Các khoản điều chỉnh khác	-	
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	(5,925,808,185)	(2,325,107,251)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	1,130,648,823	1,724,906,631
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	2,209,125	(6,051,246)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	2,743,303,138	3,028,183,978
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(823,132,023)	(2,300,761,368)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		
Tiền lãi vay đã trả	(179,095,532)	(379,866,669)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1,528,916,984	1,960,800,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(388,207,630)	(587,160,713)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	4,012,538,659	270,483,765
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	19,401,181,820	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(6,500,000,000)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	5,000,000,000	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(13,963,956,424)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	75,313,263	270,483,765
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(3,535,640,158)	(293,728,700)
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH		
Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	-	
Tiền thu từ đi vay	7,900,000,000	850,000,000
Tiền trả nợ gốc vay	(11,434,953,458)	(1,137,600,000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	-	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(686,700)	(6,128,700)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1,434,266,799)	1,091,698,427
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3,668,628,174	1,509,853,033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2,234,361,375	2,601,551,460

Người lập/Kế toán trưởng

HỒ THỊ TRÚC VÂN

Hồ Chí Minh ngày 12 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



KAKAZU SHOGO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III '2015

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 . Thông tin doanh nghiệp

Công ty CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST (“Công ty”) là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 vào ngày : 27/12/2014

Hoạt động chính của công ty là vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh du lịch nội hành nội bộ, quốc tế; đại lý vé máy bay, giáo dục nghề nghiệp;

Công ty có trụ sở chính tại 25 Pasteur, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty có 2 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

Stt	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Văn	100	100	01 đường 42 phường 4 quận 4 TP.HCM	► Dịch vụ bảo vệ
2	Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	100	100	25 Pasteur, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM	► Điều hành tour du lịch vận tải hành khách

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 . Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

2 . Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

3 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo tài chính (tỷ giá giao dịch tại Ngân hàng VCB- tỷ giá chuyển khoản/mua vào) :

- Tại ngày 01-01-2015: 21,380 VND/USD
- Tại ngày 30-9-2015: 22,450 VND/USD

3 . Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

4 . Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

6 . Hàng tồn kho

Bất động sản để bán

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của nguyên vật liệu xây dựng được xác định theo giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

8 . Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	25-50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	4 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa được mô tả trong đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10 . Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

11 . Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

12 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

13 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

15 . **Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16 . **Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

17 . **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ

Liên quan đến hoạt động khách sạn, khu vui chơi giải trí, bệnh viện và các dịch vụ có liên quan khác, doanh thu được ghi nhận khi các dịch vụ được thực hiện.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, trái phiếu và vav chuyển đổi, nợ vạ vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Thông tư 210 hiện không đưa ra yêu cầu về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30-9-2015	01-01-2015
Tiền mặt	107,948,544	199,177,972
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,126,412,831	3,469,450,202
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
	2,234,361,375	3,668,628,174

Các khoản đầu tư tài chính

	30-9-2015		01-01-2015	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
<u>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</u>				
<u>Ngắn hạn</u>	1,500,000,000	1,500,000,000	-	-
Tiền gửi có KH gốc trên 3 tháng	1,500,000,000	1,500,000,000		

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 5,3 %/năm tại ngân hàng ACB sẽ đáo hạn ngày 06/11/2015

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30-9-2015			01-01-2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	19,839,972,424	11,028,147,489	8,811,824,935	5,876,016,000	5,796,000,000	80,016,000
+ Công ty CP ô tô Vận tải Vina Đông	5,796,000,000	5,796,000,000	-	5,796,000,000	5,796,000,000	
+Tập đoàn Radius	80,016,000		80,016,000	80,016,000		80,016,000
+Công Ty CP Taxi Gas Sài Gòn	13,963,956,424	5,232,147,489	8,731,808,935			-

2 Phải thu khách hàng

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30-9-2015	01-01-2015
Ông Hideo Tomiya	9,500,150,240	11,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9,612,787,236	9,612,787,236
Công ty TNHH Điện lực BOT Phú Mỹ 3	1,213,649,900	1,164,555,700
Phải thu đảo tạo lái xe B2		982,740,000
VPDD AMERICAN BUREAU of SHIPPING tại TP.HCM	142,615,000	137,645,000
Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn		489,910,473
Phải thu xe ngoài taxi (AN THIỆN NHÂN)	380,891,224	349,668,724
CN CTY TNHH YUSEN LOGISTIC TẠI TPHCM	213,809,000	
Cty TNHH DCT Partners VN	121,000,000	
Cty CP Đầu tư TM Saigontourist	159,280,000	46,640,000
Ngân hàng TMCP Sai gon Công Thương -CN Tân Định	62,370,000	
Ban quản lý Cao ốc Văn phòng - Tổng Công ty Điện	152,350,000	152,350,000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	158,947,800	116,602,341
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	87,268,500	101,200,000
Các khách hàng khác	2,559,385,760	3,296,817,805
	24,364,504,660	27,450,917,279

3 Trả trước cho người bán

Trả trước về hoạt động kinh doanh

	30-9-2015	01-01-2015
	413,186,074	1,710,863,018
	413,186,074	1,710,863,018

4 . Phải thu khác	30-9-2015		01-01-2015	
a) <u>Ngắn hạn</u>				
Cty TNHH Sắt Thép VINH ĐÀ	270,000,000		370,000,000	
CTY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH ĐẤT VIỆT	14,496,733,549		13,337,323,699	
Cty CP KD và phát triển nhà An Nghiệp Phát	2,162,225,940		2,162,225,940	
Công ty TNHH TM Du lịch Huyện Trang	3,231,040,000		3,231,040,000	
Tạm ứng cho CBNV	603,162,850		1,185,306,354	
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	537,039,630		49,900,000	
Phải thu khác	2,813,656,509		1,589,361,156	
	24,113,858,478		21,925,157,149	
b) <u>Dài hạn</u>				
Ký quỹ xuất khẩu lao động tại Ngân hàng Techcombank	1,000,000,000		1,000,000,000	
Bảo lãnh hợp đồng đại lý vé máy bay (VN Airlines)	500,000,000		500,000,000	
Công ty TNHH May Nam Phú	317,250,000		317,250,000	
CTY TNHH MTV MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ SÀI GÒN	423,196,380			
Ký quỹ lãi hành quốc tế tại VCB	250,000,000		250,000,000	
Các khoản ký quỹ khác	316,621,800		608,621,800	
	2,807,068,180		2,675,871,800	

5 Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn:

	31-3-2015		01-01-2015	
Cty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9,880,466,346		9,880,466,346	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	9,951,995,414		6,596,016,454	
Cty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển An Nghiệp Phát	2,162,225,940		2,162,225,940	
Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1,598,478,659		1,598,478,659	
Công ty TNHH Sắt thép Vinh Đa	270,000,000		370,000,000	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Gia Thịnh	328,902,238		328,902,238	
Công ty Cổ phần Việt Nam Việt Nhật	278,036,475		278,036,475	
Công ty TNHH thương mại du lịch Huyện Trang	115,520,000		115,520,000	
Các khách hàng khác	1,069,563,925		1,127,330,798	
	25,655,188,997		22,456,976,910	

6 . Hàng tồn kho

	30-9-2015		01-01-2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ dụng cụ	23,801,353		25,787,353	
Nguyên liệu, vật liệu	4,734,887		10,950,396	
Nhiên liệu	19,923,047		17,002,483	
Phụ tùng	401,538,257	95,285,822	398,466,437	95,285,822
Hàng hóa	137,588,753	128,588,063	137,588,753	128,588,063
Cộng	587,586,297	223,873,885	589,795,422	223,873,885

7 . Tài sản dở dang dài hạn

a) Xây dựng cơ bản dở dang	30-9-2015		01-01-2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí đầu tư sửa chữa tại công trình 106/781 Nguyễn Kiệm, Gò Vấp			308,438,125	308,438,125
Cộng	-	-	308,438,125	308,438,125

8 . **Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý+TS khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1,339,428,880	298,535,136	52,726,874,980	246,351,474	54,611,190,470
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(10,086,409,164)	-	(10,086,409,164)
<i>Trong đó</i>					
<i>Thanh lý,</i>			(10,086,409,164)		(10,086,409,164)
<i>nhượng bán</i>					
Số cuối kỳ	1,339,428,880	298,535,136	42,640,465,816	246,351,474	44,524,781,306
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1,073,851,310	226,055,152	28,591,343,511	243,119,172	30,134,369,145
Khấu hao trong năm	6,425,262	9,060,003	3,103,899,954	2,574,801	3,121,960,020
Tăng khác					
Giảm trong kỳ	-	-	(5,442,043,755)	-	(5,442,043,755)
<i>Trong đó</i>					
<i>Thanh lý,</i>			(5,442,043,755)		(5,442,043,755)
<i>nhượng bán</i>					
Số cuối kỳ	1,080,276,572	235,115,155	26,253,199,710	245,693,973	27,814,285,410
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	265,577,570	72,479,984	24,135,531,469	3,232,302	24,476,821,325
- Tại ngày cuối kỳ	259,152,308	63,419,981	16,387,266,106	657,501	16,710,495,896

9 . **Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	13,750,000,000				13,750,000,000
Tăng trong kỳ	(13,750,000,000)				(13,750,000,000)
Giảm trong kỳ					
Số cuối kỳ	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	13,750,000,000				13,750,000,000
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

10 . **Chi phí trả trước**

	30-9-2015	01-01-2015
a) Ngắn hạn		
Chi phí phân bổ của trung tâm taxi	1,319,052,802	163,111,996
Chi phí phân bổ của trung tâm đào tạo		
Chi phí phân bổ của BP cho thuê xe	1,141,839	13,065,750
Chi phí phân bổ của cty TDS	144,786,283	138,887,254
Trả trước lãi vay		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	630,438,660	178,576,667
Cộng	2,095,419,584	493,641,667
b) Dài hạn		
CP sửa chữa công trình 93/1017 Lê Đức Thọ	1,311,292,098	1,599,136,704
Chi phí trả trước dài hạn khác	180,696,653	18,964,991
Cộng	1,491,988,751	1,618,101,695
Tổng	3,587,408,335	2,111,743,362

12 . Vay và nợ thuê tài chính	30-9-2015		01-01-2015	
	Giá trị	Trong năm		Giá trị
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn				
Ông Võ Văn Ba	250,000,000			250,000,000
Bà Huiyinh Thanh Diễm Trang	223,333,502		(26,666,498)	250,000,000
Ngân hàng ACB lãi suất 7%/năm	3,000,000,000	3,000,000,000		
Ngân hàng OCB lãi suất 7,6%/năm		4,900,000,000	(4,900,000,000)	
Ngân hàng VIETIN			(6,508,286,960)	6,508,286,960
Cộng	3,473,333,502	7,900,000,000	(11,434,953,458)	7,008,286,960

13 . Phải trả người bán	30-9-2015	01-01-2015
	a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1,689,557,422
<i>CTY TNHH MAY NAM PHÚ</i>	143,225,000	
<i>TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</i>	114,376,193	
<i>CN CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN BÌNH ANH</i>	326,514,200	
Phải trả cho các đối tượng khác	1,105,442,029	429,526,446
14 . b) Người mua trả tiền trước	290,445,480	747,118,177

15 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau :

	30-9-2015	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01-01-2015
a) Phải nộp				
<i>Công ty cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist</i>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	94,590,574	2,841,489,822	3,037,436,357	290,537,109
Thuế thu nhập doanh nghiệp	433,176,482			433,176,482
Tiền thuê đất	819,061,675	462,615,906	416,526,440	772,972,209
Thuế môn bài	-	5,000,000	5,000,000	
Thuế thu nhập cá nhân	9,496,168	65,268,720	64,039,289	8,266,737
<i>Công ty TNHH MTV TM Du lịch Sài Gòn Tourist</i>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	135,884,876	68,368,340	851,804	68,368,340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	433,176,482			433,176,482
Tiền thuê đất				
Thuế môn bài	-	2,000,000	2,000,000	
Thuế thu nhập cá nhân	2,944,759	2,944,759	4,288,583	4,288,583
<i>Công ty TNHH MTV Du lịch Bảo vệ Long Vân</i>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	910,347,388	1,124,762,139	1,222,003,432	1,007,588,681
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(219,200,836)			(219,200,836)
Tiền thuê đất				
Thuế môn bài	-	1,500,000	1,500,000	
Thuế thu nhập cá nhân	138,041	20,207,113	25,046,072	4,977,000
b) Phải thu				
<i>Công ty cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist</i>				
Thuế GTGT hàng nội địa	45,079,143		20,000	45,099,143

16 . Chi phí phải trả

	30-9-2015	01-01-2015
a) Ngắn hạn		
Chi phí của Trung tâm dạy nghề bán công	183,471,098	538,042,627
Chi phí của Trung tâm vận chuyển xe du lịch	12,569,844	215,662,075
Trích trước chi phí kiểm toán	86,250,000	
Trích trước chi phí lãi vay ngân hàng	17,500,000	
Trích trước các khoản chi phí khác	442,214,913	759,791,125
Cộng	742,005,855	1,513,495,827

17 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30-9-2015	01-01-2015
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	728,316,292	537,821,512
Bảo hiểm xã hội	1,071,185,362	2,117,012,612
Bảo hiểm y tế	8,283,338	63,120,285
Bảo hiểm thất nghiệp	66,328,259	25,839,740
Ông Kakazu Shogo theo hợp đồng mượn tiền ngày 04/06/2015 CN CÔNG TY TNHH YUSEN LOGISTICS VÀ VAN TAI (VN)	1,500,000,000	791,288,794
Cty CP Du lịch văn hóa Royal	2,190,000,000	
Thù lao Hội đồng quản trị	210,284,788	317,000,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3,706,921,915	3,706,921,915
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2,398,519,513	716,484,726
Cộng	11,879,839,467	8,275,489,584

18 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30-9-2015	01-01-2015
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1,570,101,744	1,570,101,744
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1,570,101,744	1,570,101,744

19 . Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Các quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	TỔNG
Số dư đầu năm trước	80,000,000,000					2,052,178,753	(29,578,325,222)	52,473,853,531
Tăng vốn trong năm								-
Lãi/lỗ trong năm trước							1,160,489,344	1,160,489,344
Tăng khác								-
Giảm vốn trong năm								-
Số dư đầu năm nay	80,000,000,000	-	-	-	-	2,052,178,753	(28,417,835,878)	53,634,342,875
Tăng vốn trong năm								-
Lãi/lỗ trong năm nay							(15,345,571,694)	(15,345,571,694)
Tăng khác							2,052,178,753	2,052,178,753
Giảm vốn trong năm								-
Giảm khác						(2,052,178,753)		(2,052,178,753)
Số dư cuối kỳ	80,000,000,000	-	-	-	-	-	(41,711,228,819)	38,288,771,181

Ghi giảm quỹ Đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 ngày 29/04/2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng doanh thu	Luỹ kế 9 tháng năm 2015	Luỹ kế 9 tháng năm 2014
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi	15,370,270,574	18,630,169,005
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe	1,643,384,092	1,797,420,454
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê xe	5,129,625,242	5,476,316,388
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán vé máy bay	2,469,072,750	3,078,648,208
- Doanh thu từ các dịch vụ thuộc công ty TDS	12,170,055,496	19,986,688,495
- Doanh thu cung cấp dịch vụ bảo vệ	10,977,642,490	10,846,859,683
- Doanh thu khác		11,164,819
	47,760,050,644	59,827,267,052
2 . Giá vốn hàng bán	Luỹ kế 9 tháng năm 2015	Luỹ kế 9 tháng năm 2014
- Giá vốn của dịch vụ taxi	16,470,459,767	17,808,666,818
- Giá vốn của dịch vụ đào tạo lái xe	2,400,022,527	2,050,446,073
- Giá vốn của dịch vụ cho thuê xe	4,860,035,567	5,823,301,990
- Giá vốn của dịch vụ và bán vé máy bay	2,443,608,118	3,120,526,673
- Giá vốn của các dịch vụ thuộc Công ty TDS	12,150,022,852	19,127,536,308
- Giá vốn của các dịch vụ bảo vệ	9,062,238,074	9,633,377,152
Giá vốn của các dịch vụ khác		3,826,761
Cộng	47,386,386,905	57,567,681,775
3 . Doanh thu hoạt động tài chính	Luỹ kế 9 tháng năm 2015	Luỹ kế 9 tháng năm 2014
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	258,740,518	155,843,187
Thu nhập tài chính khác		
Cộng	258,740,518	155,843,187
4 . Chi phí tài chính	Luỹ kế 9 tháng năm 2015	Luỹ kế 9 tháng năm 2014
Chi phí lãi vay	249,621,352	637,058,352
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5,232,147,489	
Chi phí tài chính khác		27,087,234
Cộng	5,481,768,841	664,145,586
5 . Chi phí bán hàng	Luỹ kế 9 tháng năm	Luỹ kế 9 tháng
Chi phí cho nhân viên	202,171,394	
Chi phí khác bằng tiền	503,782,157	320,546,478
Cộng	705,953,551	320,546,478
6 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế 9 tháng năm 2015	Luỹ kế 9 tháng năm 2014
Chi phí cho nhân viên	4,576,491,905	4,178,176,059
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	53,976,959	52,973,147
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146,760,030	146,760,030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,560,848,940	815,635,728
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	3,315,712,087	165,108,302
Chi phí khác bằng tiền	1,258,027,892	2,219,111,271
Cộng	10,911,817,813	7,577,764,537
7 . Thu nhập khác	Luỹ kế 9 tháng năm 2015	Luỹ kế 9 tháng năm 2014
Thu thanh lý nhượng bán TSCĐ -xe taxi	1,691,513,934	
Thu nhập khác	356,744,513	587,066,340
Cộng	2,048,258,447	587,066,340

8 . Chi phí khác

	Lũy kế 9 tháng năm 2015	Lũy kế 9 tháng năm 2014
Lỗ do nhượng bán TSCĐ - khu đất tại đường Nguyễn Kiệm	1,021,035,522	
Tiền phạt chậm nộp thuế & phạt hành chính	168,516,376	
Chi phí khác	339,049,728	571,090,606
Cộng	1,528,601,626	571,090,606

9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

10 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại

496,949,840

11 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	Lũy kế 9 tháng năm 2015	Lũy kế 9 tháng năm 2014
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(15,947,479,127)	(6,628,002,243)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(15,947,479,127)	(6,628,002,243)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8,000,000	8,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1,993)	(829)

Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ lỗ nhiều hơn so với cùng kỳ, do các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

